

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 18279/TTr-SKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 33 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TTHC nội bộ).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT;
- V PUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Lưu: VT, KSTT/Tr.

## CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG  
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>1.</b>	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư).	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>2.</b>	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>3.</b>	Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>4.</b>	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>5.</b>	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Sở Kế hoạch và Đầu tư

<b>6.</b>	Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>7.</b>	Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>8.</b>	Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu (thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố).	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li> <li>- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.</li> </ul>
<b>9.</b>	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.</li> <li>- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>
<b>10.</b>	Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>11.</b>	Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án/dự toán mua sắm	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>12.</b>	Lựa chọn danh sách ngắn	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>13.</b>	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

14.	Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
15.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17.	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
18.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
19.	Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện	Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở ngành theo lĩnh vực được phân công
20.	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất	Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp huyện
21.	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP	Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp huyện
22.	Phê duyệt đầu tư dự án xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP	Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp xã
23.	Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan	Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Ban Đổi mới quản lý doanh

	đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập.		ng nghiệp Thành phố
24.	Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.	Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố
25.	Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.	Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố
26.	Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý).	Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố
27.	Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý).	Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố
28.	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính
29.	Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu	Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố

	hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.		
<b>30.</b>	Đánh giá, công bố xếp hạng Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.	Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC)
<b>31.</b>	Lập quy hoạch Thành phố	Quản lý quy hoạch	Ủy ban nhân dân Thành phố
<b>32.</b>	Điều chỉnh quy hoạch Thành phố	Quản lý quy hoạch	Ủy ban nhân dân Thành phố
<b>33.</b>	Cung cấp thông tin quy hoạch Thành phố	Quản lý quy hoạch	Ủy ban nhân dân Thành phố

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư).**

### **1.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Bước 2: Cơ quan chuyên môn về ngành lĩnh vực được Ủy ban nhân dân Thành phố giao chủ trì, tham mưu tổ chức thẩm định thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công.

Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, bưu chính.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 05 bộ hồ sơ.

- Tờ trình thẩm định chương trình, dự án (bản chính)
- Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án (bản chính)
- Các tài liệu khác có liên quan (bản sao)

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian quyết định Chương trình đầu tư công không quá 20 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.



**2. Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.**

**2.1. Trình tự thực hiện:**

- Đối với dự án, phi dự án không quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 114/2021/NĐ-CP và dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hòa lại của nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức quản lý và không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện:

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

(Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan).

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có văn bản góp ý về những nội dung của Văn kiện dự án, phi dự án và những vấn đề cần thiết có liên quan, trong đó lưu ý các nội dung: sự cần thiết và các mục tiêu, kết quả chủ yếu; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các đơn vị liên quan thẩm định dự án, phi dự án với các nội dung gồm: sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Bước 4: Căn cứ kết quả tổng hợp thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do Thành phố quản lý, căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt Văn kiện dự án.

Nội dung chính của Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án gồm (i) Tên dự án, phi dự án; (ii) Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài (nếu có); (iii) Tên cơ quan chủ quản, chủ dự án; (iv) Thời gian, địa điểm thực hiện; (v) Mục tiêu, hoạt động và kết quả; (vi) Tổ chức quản lý; (vii) Phương thức thực hiện; (viii) Tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn gồm: Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam) và vốn đối ứng (đồng Việt Nam); (ix) Các nội dung khác.

Bước 5: Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản và các tài liệu liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Bước 6: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức cho nhà tài trợ nước ngoài và đề nghị xem xét tài trợ.

- Đối với dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 114/2021/NĐ-CP:

Ủy ban nhân dân Thành phố không tổ chức thẩm định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, bưu chính.

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ (Riêng Văn kiện dự án, phi dự án: 08 bộ bản chính).

- Văn bản lấy ý kiến
- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án
- Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án
- Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

**2.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu Văn kiện dự án, phi dự án thực hiện theo mẫu tại Phụ lục V và Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

### **3. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và phê duyệt.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các đơn vị liên quan, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, bưu chính.

**3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.  
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt

**3.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

## **4. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.**

### **4.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hằng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Bước 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các đơn vị liên quan, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm, chủ dự án gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và thông qua Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

**4.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, bưu chính.

**4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm gồm thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, bao gồm cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

**4.4. Thời hạn giải quyết:** không có.

**4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

**4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm được phê duyệt

**4.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

## **5. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.**

### **5.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

Bước 5: Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị có chức năng, ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

\* Trường hợp các nội dung của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án không quy định tại khoản 7 của Điều 14 Nghị định 114/2021/NĐ-CP có thay đổi so với nội dung chính Đề xuất chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13: Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Đề xuất chương trình, dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 13 trước khi thực hiện trình tự, thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án.

**5.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, bưu chính.

**5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ gốc hồ sơ.

Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm:

(a) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

(b) Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền;



(c) Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

(d) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IIIa, IIIb, IIIc kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;

(đ) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới).

(e) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**5.4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 45 ngày.

**5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

**5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**5.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án theo mẫu tại Phụ lục IIIc kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVb kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

**5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

## **6. Lựa chọn danh sách ngăn đối với đấu thầu hạn chế**

### **6.1. Trình tự thực hiện:**

- Bên mời thầu xác định danh sách ngăn gồm tối thiểu 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư kinh doanh và có nhu cầu tham dự thầu, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi phê duyệt, bên mời thầu đăng tải công khai danh sách ngăn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngăn không được liên danh với nhau để tham dự thầu).

### **6.2. Cách thức thực hiện:** không quy định

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

### **6.4. Thời gian giải quyết:** Không quy định

### **6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

### **6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Danh sách ngăn các nhà đầu tư.

### **6.8. Phí, lệ phí:** Không có.

### **6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

### **6.10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

### **6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

## **7. Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật**

### **7.1. Trình tự thực hiện:**

- Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được bên mời thầu phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của tổ chuyên gia.

- Bên mời thầu thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính

**7.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

**7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** không quy định

**7.4. Thời gian giải quyết:** không quy định

**7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính.

**7.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**7.10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

## **8. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu**

### **8.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chủ đầu tư có văn bản đề xuất việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (văn bản phải nêu rõ lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Bước 2:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định:

+ Bước 2.1: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đối với đề xuất của Chủ đầu tư.

+ Bước 2.2: Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu đề xuất của Chủ đầu tư, có văn bản tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan có ý kiến phối hợp. Sau khi tổng hợp ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

+ Bước 2.3: Trên cơ sở đề xuất của Chủ đầu tư và ý kiến tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với một hoặc một số trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu.

Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, người có thẩm quyền, chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 83 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

**8.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

### **8.3. Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;
- Các tài liệu liên quan.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**8.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

### **8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan, đơn vị trình văn bản đề xuất việc áp dụng hình thức lựa chọn

nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: Chủ đầu tư.

- Cơ quan, đơn vị có ý kiến tham mưu đối với đề xuất việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết).

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

**8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

**8.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

## **9. Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương:**

### **9.1. Trình tự thực hiện:**

#### **9.1.1. Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Người có thẩm quyền.**

**Bước 1:** Chủ đầu tư có văn bản (kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm) trình Người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

**Bước 2:** Người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư. Nội dung Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Bước 3:** Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư đăng tải thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

#### **9.1.2. Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:**

**Bước 1:** Trường hợp nhận thấy tính chất, mức độ vi phạm nghiêm trọng, cần cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi toàn thành phố, Người có thẩm quyền có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bước 2:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Người có thẩm quyền. Cụ thể:

+ Bước 2.1: Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Người có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến tham mưu.

+ Bước 2.2: Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu đề nghị của Người có thẩm quyền, có văn bản tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan có ý kiến phối hợp. Sau khi tổng hợp ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu văn bản trình Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

+ Bước 2.3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Bước 3:** Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ đầu tư đăng tải thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**9.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

### **9.3. Thành phần hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị Người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu, gồm một trong các tài liệu sau:

+ Văn bản đề nghị của Chủ đầu tư kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

+ Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;

+ Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;

+ Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

- Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Người có thẩm quyền có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

### **9.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Người có thẩm quyền: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

- Thời hạn ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của Người có thẩm quyền.

### **9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**



- Cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư.
- Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**9.8. Phí, lệ phí:** Không

**9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

## **10. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án**

### **10.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Lập, trình phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

- Căn cứ quy mô, tính chất công tác đấu thầu của dự án, chủ đầu tư (trường hợp đã được xác định) có thể trình Người có thẩm quyền xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án. Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án có thể trình người có thẩm quyền xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

- Trường hợp Người có thẩm quyền đồng ý chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư (sau đây gọi là chủ đầu tư) tổ chức lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu để Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

**Bước 2:** Thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 126 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**Bước 3:** Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

Căn cứ đề nghị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, báo cáo thẩm định, Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu sau khi quyết định phê duyệt dự án làm cơ sở cho chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp Người có thẩm quyền ủy quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì cơ quan, đơn vị được ủy quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**Bước 4:** Đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

**10.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

**10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- Dự thảo kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- Các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;

- Tài liệu khác có liên quan.

**10.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan, đơn vị thực hiện trình phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 126 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Cơ quan, đơn vị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu hoặc cơ quan, đơn vị được ủy quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

Người có thẩm quyền được xác định theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu hoặc cơ quan, đơn vị được ủy quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

**10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

**10.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Chủ đầu tư thực hiện tờ trình theo Mẫu số 01A Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định theo Mẫu số 01B Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

- Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo Mẫu số 01C Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

**10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

## **11. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án/dự toán mua sắm**

### **11.1. Trình tự thực hiện:**

#### **11.1.1. Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án:**

a) Trường hợp dự án có phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư thực hiện tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

b) Trường hợp dự án không có phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu:

- Chủ đầu tư tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án trình Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Người có thẩm quyền/chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được ủy quyền tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 trước khi phê duyệt.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

#### **11.1.2. Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm:**

- Chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu để Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Người có thẩm quyền/chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được ủy quyền tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 trước khi phê duyệt.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

### **11.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống

quản lý văn bản.

**11.3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Dự thảo kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Tài liệu khác có liên quan.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**11.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan, đơn vị thực hiện trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:  
Chủ đầu tư.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 126 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Cơ quan, đơn vị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu hoặc chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

Người có thẩm quyền được xác định theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 hoặc chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án/dự toán mua sắm.

**11.8. Phí, lệ phí:** Không

**11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Chủ đầu tư thực hiện tờ trình theo Mẫu số 02A Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định theo Mẫu số 02B Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

- Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Mẫu số 02C Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

**11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính

phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

## **12. Lựa chọn danh sách ngắn**

### **12.1. Trình tự thực hiện:**

#### **12.1.1. Đối với đấu thầu rộng rãi:**

**Bước 1:** Lập, trình, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển:

- Tổ chuyên gia lập hồ sơ mời sơ tuyển. Nội dung hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Bên mời thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển.

- Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển. Hồ sơ mời sơ tuyển được thẩm định theo quy định tại Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư ban hành văn bản phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển căn cứ tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo thẩm định.

**Bước 2:** Bên mời thầu đăng tải thông báo mời sơ tuyển theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

**Bước 3:** Bên mời thầu thực hiện phát hành hồ sơ mời sơ tuyển: Hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**Bước 4:** Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển: Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.

**Bước 5:** Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Tổ chuyên gia thực hiện đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.

**Bước 6:** Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển:

- Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển của Tổ chuyên gia, Bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn).

- Tổ thẩm định thực hiện thẩm định kết quả sơ tuyển theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư phê duyệt kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn) bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

**Bước 7:** Công khai danh sách ngắn: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

#### **12.1.2. Đối với đấu thầu hạn chế:**

**Bước 1:** Bên mời thầu trình phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu.

**Bước 2:** Chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn trên cơ sở tờ trình của Bên mời thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

**Bước 3:** Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

**12.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp/Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**12.3. Thành phần hồ sơ:**

**12.3.1. Đối với đấu thầu rộng rãi:**

- Tờ trình phê duyệt danh sách ngắn.
- Hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ dự sơ tuyển.
- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.
- Báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển.
- Các tài liệu có liên quan.
- Dự thảo quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

**12.3.2. Đối với đấu thầu hạn chế:**

- Tờ trình phê duyệt danh sách ngắn.
- Dự thảo quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

**12.4. Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**12.5. Thời hạn giải quyết:** Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Đấu thầu.

**12.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan, đơn vị thực hiện lập hồ sơ mời sơ tuyển và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển: Tổ chuyên gia (đơn vị do Bên mời thầu thành lập trong trường hợp Bên mời thầu là đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư lựa chọn hoặc đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư thuê).

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển và thẩm định kết quả sơ tuyển: Tổ thẩm định (phòng/ban chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư được giao nhiệm vụ thẩm định hoặc đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư thuê).

- Cơ quan, đơn vị trình phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn): Bên mời thầu (phòng/ban chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn được giao nhiệm vụ)



- Cơ quan, đơn vị phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn): Chủ đầu tư.

**12.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**12.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

**12.9. Phí, lệ phí:**

- Trường hợp Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định do Chủ đầu tư quyết định thành lập để thực hiện việc lập hồ sơ mời sơ tuyển và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển thì chi phí cho công việc này được tính trong dự toán chi phí hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP:

+ Chi phí lập hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.

+ Chi phí thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.

+ Chi phí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.

+ Chi phí thẩm định kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn): không quy định.

- Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu thì chi phí thuê tư vấn dựa trên dự toán được lập, không căn cứ vào chi phí quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**12.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng: áp dụng theo Mẫu số 3C, 4C, 5C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Hồ sơ mời sơ tuyển không qua mạng: Chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu số 3C, 4C, 5C ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển: không quy định.

- Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, thẩm định kết quả sơ tuyển được vận dụng các mẫu quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số

24/2024/NĐ-CP.

- Mẫu Quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn): không quy định.

**12.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**12.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

### **13. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu**

#### **13.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Trên cơ sở hồ sơ mời thầu do Tổ chuyên gia lập, Bên mời thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu.

**Bước 2:** Tổ thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu. Nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu theo quy định tại Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Bước 3:** Chủ đầu tư ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định.

**13.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

#### **13.3. Thành phần hồ sơ:**

##### **13.3.1. Thành phần hồ sơ trình thẩm định:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;
- Dự thảo hồ sơ mời thầu;
- Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Tài liệu khác có liên quan.

##### **13.3.2. Thành phần hồ sơ trình phê duyệt:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;
- Dự thảo hồ sơ mời thầu;
- Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.
- Tài liệu khác có liên quan.

#### **13.4. Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**13.5. Thời hạn giải quyết:** Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Đấu thầu.

#### **13.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan, đơn vị thực hiện lập hồ sơ mời thầu: Tổ chuyên gia (đơn vị do Bên mời thầu thành lập trong trường hợp Bên mời thầu là đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư lựa chọn hoặc đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư thuê).

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu: Tổ thẩm định (phòng, ban chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư được giao nhiệm vụ thẩm định hoặc đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư thuê).

- Cơ quan, đơn vị trình phê duyệt hồ sơ mời thầu: Bên mời thầu (phòng, ban chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn được giao nhiệm vụ)
- Cơ quan, đơn vị phê duyệt hồ sơ mời thầu: Chủ đầu tư.

**13.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**13.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.

**13.9. Phí, lệ phí:**

- Trường hợp tổ thẩm định do Chủ đầu tư quyết định thành lập để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu thì chi phí cho công việc này được tính trong dự toán chi phí hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP: Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

- Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu thì chi phí thuê tư vấn dựa trên dự toán được lập, không căn cứ vào chi phí quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**13.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu theo Mẫu số 3A Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu: Không quy định.

**13.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**13.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

## **14. Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

### **14.1. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của Tổ chuyên gia, Bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà thầu gồm các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 30 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

- Tổ thẩm định tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **Bước 2:** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

#### **Bước 3:** Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/Qh15.

Đồng thời, gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp hủy thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải Quyết định hủy thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

**14.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

### **14.3. Thành phần hồ sơ:**

#### **14.3.1. Thành phần hồ sơ trình thẩm định:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu,

trong đó phải nêu rõ ý kiến của bên mời thầu đối với các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của tổ chuyên gia;

- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia;
- Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có);
- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, biên bản mở thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan; trường hợp đã tiến hành thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì chỉ gửi biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính và bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

#### **14.3.2. Thành phần hồ sơ trình phê duyệt:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu;
- Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Tài liệu khác có liên quan.

#### **14.4. Số lượng hồ sơ: 01.**

**14.5. Thời hạn giải quyết:** Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Đấu thầu.

#### **14.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá hồ sơ dự thầu: Tổ chuyên gia (đơn vị do Bên mời thầu thành lập trong trường hợp Bên mời thầu là đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư lựa chọn hoặc đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư thuê).

- Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Tổ thẩm định (phòng, ban chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư được giao nhiệm vụ thẩm định hoặc đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư thuê).

- Cơ quan, đơn vị trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: Bên mời thầu (phòng, ban chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn được giao nhiệm vụ)

- Cơ quan, đơn vị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện đăng tải, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư.

**14.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Chủ đầu tư).

#### **14.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Thông tin được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

#### **14.9. Phí, lệ phí:**

- Trường hợp tổ thẩm định do Chủ đầu tư quyết định thành lập để thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thì chi phí cho công việc này được tính trong dự toán chi phí hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP: Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng

- Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu thì chi phí thuê tư vấn dựa trên dự toán được lập, không căn cứ vào chi phí quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **14.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo Mẫu số 3C Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: Không quy định mẫu.

#### **14.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

#### **14.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

## **15. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập**

### **15.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (dự án nhóm A) hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (dự án nhóm B, C)

Bước 2: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công gửi Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.

Bước 4: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Bước 5: đơn vị chuẩn bị dự án PPP gửi hồ sơ trình chủ trương đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Bước 6: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án.

**15.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

### **15.3. Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định: 01 bản chính;
- Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư: 01 bản chính;
- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: 01 bản chính;
- Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

01 bản sao;

- Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản



công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng): 01 bản sao;

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;
- Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:
- Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư: 01 bản chính;
  - Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư: 01 bản chính;
  - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: 01 bản chính;
  - Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: 01 bản sao;
  - Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;

**15.4. Số lượng hồ sơ:** 10 bộ.

**15.5. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày.
- Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.

**15.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**15.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định;
- Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố.

**15.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;
- Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

**15.9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**15.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP bao gồm:

- Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- Phụ lục II - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;
- Phụ lục II - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;
- Phụ lục II - Mẫu số 03: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

**15.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

**15.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;
- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;
- Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **16. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập**

### **16.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Đơn vị chuẩn bị dự án lập tờ trình đề nghị thẩm định dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (dự án nhóm A) hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (dự án nhóm B, C);

Bước 2: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

Bước 3: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi.

Bước 4: đơn vị chuẩn bị dự án PPP gửi hồ sơ trình quyết định đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Bước 6: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư dự án.

**16.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND thành phố hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

### **16.3. Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định: 01 bản chính;
- Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án: 01 bản chính;
- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 bản chính;
- Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có): 01 bản sao;
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;

Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án: 01 bản chính;
- Dự thảo quyết định phê duyệt dự án: 01 bản chính;
- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 bản chính;
- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 bản sao;
- Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có): 01 bản sao;
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;

**16.4. Số lượng hồ sơ:** 10 bộ.

**16.5. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày.
- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

**16.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**16.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định;
- Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

**16.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Quyết định phê duyệt dự án PPP.

**16.9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

**16.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP bao gồm:

- Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Phụ lục III - Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt dự án PPP.

**16.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**  
Không có

**16.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;
- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;
- Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **17. Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập**

### **17.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (dự án nhóm A) hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (dự án nhóm B, C)

Bước 2: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh.

Trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công gửi Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.

Bước 4: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh.

Bước 5: đơn vị chuẩn bị dự án PPP gửi hồ sơ trình điều chỉnh chủ trương đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Bước 6: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

**17.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

### **17.3. Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định: 01 bản chính;
- Dự thảo tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư: 01 bản chính;
- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: 01 bản chính;
- Tờ trình đề nghị điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: 01 bản chính;

- Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng) : 01 bản sao;

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;

Hồ sơ đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư: 01 bản chính;

- Dự thảo quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư: 01 bản chính;

- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: 01 bản chính;

- Báo cáo thẩm định đối với các nội dung điều chỉnh: 01 bản sao;

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao.

**17.4. Số lượng hồ sơ:** 10 bộ.

**17.5. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày.

- Thời hạn phê duyệt quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP: Không quá 15 ngày.

**17.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**17.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định;

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ngành Thành phố.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố.

**17.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định đối với các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP;

- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.

**17.9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

**17.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP bao gồm:

- Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

- Phụ lục II - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 03: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

**17.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

**17.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;

- Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **18. Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập**

### **18.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Đơn vị chuẩn bị dự án lập tờ trình đề nghị thẩm định điều chỉnh dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (dự án nhóm A) hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (dự án nhóm B, C);

Bước 2: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

Bước 3: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

Bước 4: đơn vị chuẩn bị dự án PPP gửi hồ sơ trình điều chỉnh quyết định đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Bước 6: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh dự án.

**18.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND Thành phố hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

### **18.3. Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định: 01 bản chính;
- Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án: 01 bản chính;
- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 bản chính;
- Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có): 01 bản sao;

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;

Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án PPP bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án: 01 bản chính;
- Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án: 01 bản chính;
- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 bản chính;
- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 bản sao;



- Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có): 01 bản sao;

- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án: 01 bản sao;

**18.4. Số lượng hồ sơ:** 10 bộ.

**18.5. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày.

- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

**18.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**18.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định;

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ngành Thành phố.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

**18.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP.

**18.9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

**18.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP bao gồm:

- Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

- Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

- Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

- Phụ lục III - Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt dự án PPP.

**18.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

**18.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;

- Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**19. Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện**

**19.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định

**19.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**19.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**19.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố/ hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc được ủy quyền

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**19.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**19.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

**20. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất**

**20.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định

**20.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**20.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**20.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện/ hoặc Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc, Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

**20.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**20.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

**21. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP**

**21.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định

**21.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**21.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**21.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**21.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện

**21.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**21.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**21.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

**22. Phê duyệt đầu tư dự án xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP**

**22.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định

**22.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư; các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**22.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

- Thời hạn giải quyết : Cơ quan thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**22.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ban quản lý xã

**22.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện **thủ tục hành chính:** UBND cấp xã

**22.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**22.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**22.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

**23. Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập.**

**23.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân Thành phố) lập đề nghị thành lập doanh nghiệp theo quy định và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

Bước 2. Sau khi nhận đủ Hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý.

Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Bước 4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương thành lập doanh nghiệp.

Bước 5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

**23.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**23.3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp;
- Đề án thành lập doanh nghiệp.

**23.4. Số lượng hồ sơ:** 03 bộ.

**23.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan việc thành lập doanh nghiệp.

**23.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Đối mới quản lý doanh nghiệp Thành phố.

**23.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**23.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**23.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**23.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 97/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.



**24. Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.**

**24.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phối hợp, thống nhất lập Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập trình cơ quan quyết định thành lập hoặc được giao quản lý xem xét, quyết định;

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

Bước 3. Sau khi có quyết định hợp nhất, sáp nhập, người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp cùng ký vào Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập và có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án hợp nhất, sáp nhập.

Bước 4. Doanh nghiệp nhận sáp nhập và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập trên cơ sở hợp nhất thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**24.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**24.3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;
- Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm hợp nhất, sáp nhập;
- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;
- Dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
- Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập (nếu có).

**24.4. Số lượng hồ sơ:** 06 bộ.

**24.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có nhu cầu hợp nhất, sáp nhập.

**24.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố.

**24.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**24.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**24.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Việc sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Cạnh tranh về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

**24.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 97/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**25. Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.**

**25.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Doanh nghiệp lập đề nghị chia, tách doanh nghiệp, gửi Ủy ban nhân dân Thành phố (cơ quan đại diện chủ sở hữu) để thẩm định;

Bước 2. Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị chia, tách, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành (trong trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

Bước 4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

Bước 5. Sau khi có quyết định chia, tách, doanh nghiệp có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

Bước 6. Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**25.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**25.3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp;
- Đề án chia, tách doanh nghiệp;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách;
- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách;
- Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có).

**25.4. Số lượng hồ sơ:** 04 bộ.

**25.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có nhu cầu chia, tách doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**25.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

Văn Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố.

**25.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**25.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**25.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Các doanh nghiệp mới hình thành sau khi chia, tách phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập doanh nghiệp.

**25.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

**26. Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý).**

**26.1. Trình tự thực hiện:**

Sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp để ra quyết định tạm ngừng kinh doanh.

**26.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**26.3. Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**26.4. Số lượng hồ sơ:** Không quy định

**26.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có nhu cầu tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh.

**26.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố, Cơ quan đăng ký kinh doanh.

**26.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**26.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**26.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**26.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**26.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc đăng ký doanh nghiệp.

**27. Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý).**

**27.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày xác định doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp xem xét giải thể, người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện các bước giải thể doanh nghiệp.

Bước 2. Người có thẩm quyền ra quyết định giải thể doanh nghiệp.

Bước 3. Sau khi có quyết định giải thể:

Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 43 Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ;

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 45 Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ;

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế có trách nhiệm ban hành văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi doanh nghiệp đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật và cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể.

**27.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**27.3. Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**27.4. Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**27.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có nhu cầu giải thể.

**27.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố, Cơ quan đăng ký kinh doanh.

**27.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**27.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**27.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**27.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

- Doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính, được đặt vào tình trạng giám sát tài chính đặc biệt sau khi kết thúc thời hạn áp dụng phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại mà không phục hồi được hoạt động sản xuất kinh doanh và không thực hiện được các hình thức chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại khác theo quy định của pháp luật;

- Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

- Việc tiếp tục duy trì doanh nghiệp là không cần thiết;

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quy định gia hạn.

(2) Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

(3) Việc giải thể doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp việc giải thể chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (trừ trường hợp doanh nghiệp giải thể khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quy định gia hạn).

Trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện giải thể nêu trên hoặc đã lâm vào tình trạng phá sản thì cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sắp xếp theo hình thức khác hoặc thực hiện phá sản.

#### **27.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 97/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;



- Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 04/5/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc đăng ký doanh nghiệp.

**28. Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.**

**28.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Hội Ban chỉ đạo Cổ phần hóa doanh nghiệp (Ban chỉ đạo):

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa doanh nghiệp (Tổ giúp việc) về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, Ban chỉ đạo họp rà soát, thông qua kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.

**\* Đối với các doanh nghiệp thực hiện kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

Bước 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau cuộc họp Ban chỉ đạo, doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn hoàn thiện Hồ sơ công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi văn bản và hồ sơ đề nghị cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá, thông qua Sở Tài chính.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài chính rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố gửi văn bản và hồ sơ đề nghị cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định.

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, Ban chỉ đạo họp rà soát, thông qua kết quả kiểm toán.

Trường hợp không thống nhất với kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức trao đổi lại để thống nhất hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

Bước 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ban chỉ đạo họp thông qua kết quả kiểm toán hoặc kết luận cuối cùng của Kiểm toán Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài chính tham mưu, trình Trưởng Ban chỉ đạo ký văn bản báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

Bước 6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thể thức văn bản theo

quy định, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố ký các văn bản gửi Kiểm toán nhà nước và ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

**\* Đối với các doanh nghiệp không phải thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính:**

Bước 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày họp Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp, tổ chức tư vấn hoàn thiện Hồ sơ công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, thông qua Sở Tài chính.

Bước 3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Ban chỉ đạo thông qua, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định.

Bước 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thể thức văn bản theo quy định, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố ký, ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

**28.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**28.3. Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**28.4. Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**28.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

**28.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính.

**28.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**28.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**28.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**28.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**28.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định phân công thực hiện công tác chuyển doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

**29. Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.**

**29.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày họp Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp (Ban chỉ đạo) về dự thảo Phương án cổ phần hóa, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp (Tổ giúp việc) và doanh nghiệp tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố, thông qua Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố như sau:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp **từ 1.800 tỷ đồng trở lên** (*kèm dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố và dự thảo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ*).

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Phương án cổ phần hóa đối với doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố (*kèm dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố*).

Bước 2. Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Tổ giúp việc, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố tham mưu Trưởng Ban chỉ đạo ký văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa hoặc Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị ban hành Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa.

Bước 3. Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thể thức văn bản theo quy định, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố ký, ban hành Quyết định phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa.

**29.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**29.3. Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**29.4. Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**29.5. Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện cổ phần hóa.

**29.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố.

**29.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hoặc trình văn bản Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa.

**29.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**29.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**29.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**29.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định phân công thực hiện công tác chuyển doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

**30. Tên thủ tục: Đánh giá, công bố xếp hạng Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.**

**30.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định

**30.2. Các thức thực hiện:** Không quy định

**30.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Không quy định.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**30.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**30.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**30.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC).

**30.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**30.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**30.9. Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**30.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**30.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Kế hoạch số 4357/KH-UBND ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban ngành và địa phương (DDCI) của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024.

## **31. Lập quy hoạch Thành phố**

### **31.1. Trình tự và cách thức thực hiện**

**Bước 1:** Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Bước 2:** Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch.

**Bước 3:** Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch.

**Bước 4:** Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng.

**Bước 5:** Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch.

**Bước 6:** Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch;

**Bước 7:** Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

**Bước 8:** Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố;

**Bước 9:** Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch.

**31.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản.

### **31.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**



- Đối với hồ sơ xin ý kiến dự thảo quy hoạch, gồm các tài liệu sau:

+ Báo cáo quy hoạch;

+ Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

+ Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch.

- Trường hợp quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

- Số lượng gửi hồ sơ xin ý kiến: Gửi tới các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liền kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch Thành phố.

**31.4. Thời hạn giải quyết:** Theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

**31.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liền kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch Thành phố.

**31.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch.

**31.7. Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính:** Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khác.

**31.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch.

**31.9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**31.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**31.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**31.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch (*được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu*); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (*được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023*).

## **32. Điều chỉnh quy hoạch Thành phố**

### **32.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch Thành phố.

**Bước 2:** Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Luật Quy hoạch.

Trường hợp điều chỉnh quy hoạch Thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại Điều 54a Luật Quy hoạch.

**32.2. Cách thức thực hiện:** Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**32.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Thành phần và số lượng hồ sơ như thành phần, số lượng hồ sơ của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**32.4. Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**32.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch Thành phố.

**32.6. Cơ quan giải quyết TTHC:** Là cơ quan giải quyết thủ tục hành chính của các hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**32.7. Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:** Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khác.

**32.8. Kết quả thực hiện TTHC:** Là kết quả của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

**32.9. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**32.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**32.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**32.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** Luật Quy hoạch (*được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu*); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (*được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023*).

### **33. Cung cấp thông tin quy hoạch Thành phố**

#### **33.1. Trình tự thực hiện:**

Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

#### **33.2. Cách thức thực hiện:** Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch

- Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch.

#### **33.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

#### **33.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

#### **33.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**33.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân Thành phố.

**33.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** Quy hoạch Thành phố đã được quyết định hoặc phê duyệt.

#### **33.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

#### **33.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**33.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ (nếu có):** Không quy định.

**33.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:** Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023).